|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2011/QĐ-UBND NGÀY 22/7/2011 VÀ**

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 30/2021/QĐ-UBND NGÀY 29/9/2021 VỚI BẢN DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ**

*(Kèm theo dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết đinh )*

- Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ): Toàn bộ căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực, đồng thời một số nội dung quy định chi tiết tại Quyết định không còn phù hợp.

- Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND thành phố Hải Phòng (cũ): có nội dung quy định chi tiết phù hợp với thực tế hiện nay. Tuy nhiên cần phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung đảm bảo phù hợp với chính quyền 2 cấp và phù hợp áp dụng chung trên địa bàn toàn thành phố.

Do vậy, trong nội dung bảng so sánh này, thực hiện so sánh dự thảo quyết định mới thay thế với Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UNND thành phố Hải Phòng (cũ)

| **Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND** | **Dự thảo Quyết định thay thế** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  *Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*  *Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*  *Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*  *Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*  *Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*  *Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*  *Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*  *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.* | *Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*  *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*  *Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*  *Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*  *Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;*  *Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*  *Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*  *Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*  *Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*  *Căn cứ các Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT- BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*  *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường .* | *Bổ sung, thay thế căn cứ mới phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành* |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng** | Giữ nguyên |
| **Điều 3. Nguyên tắc phân cấp**  1. Đảm bảo theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.  2. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.  3. Lấy điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi để phân cấp quản lý công trình thuỷ lợi.  4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi thực hiện đồng thời với việc củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực tổ chức thủy lợi cơ sở. Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và người dân trong việc tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ, nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi.  5. Việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi phải phù hợp với quy định của pháp luật về đê điều, pháp luật về quản lý tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tính kế thừa, thuận lợi trong quá trình quản lý, sử dụng nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình. | **Điều 2. Nguyên tắc phân cấp**  1. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.  2. Lấy điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi để phân cấp quản lý công trình thuỷ lợi. ***Trường hợp đặc thù, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân cấp theo điều kiện cụ thể để đảm bảo phù hợp với thực tế và hiệu quả trong công tác quản lý, khai thác***.  3. Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật về quản lý tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan; tính kế thừa, thuận lợi trong quá trình quản lý, khai thác nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình. | - Bỏ khoản 1: do nội dung này đã được quy định cụ thể tại các Nghị định số Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.  - Bổ sung nội dung “***Trường hợp đặc thù, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân cấp theo điều kiện cụ thể để đảm bảo phù hợp với thực tế và hiệu quả trong công tác quản lý, khai thác***” để phù hợp với địa bàn thành phố sau sáp nhập. |
|  | **Điều 3. Vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi** | **Bổ sung điều 3** |
| **Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố**  1. Ủy ban nhân dân thành phố quản lý các công trình thủy lợi từ công trình đầu mối tại vị trí khởi đầu đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trừ các công trình quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.  2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý các công trình thuỷ lợi nội đồng từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác trên địa bàn các huyện, quận.  3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải quản lý các công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện.  4. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện Bạch Long Vỹ quản lý các công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện. | **Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố**  1. Ủy ban nhân dân thành phố quản lý:  - Các công trình thủy lợi mà việc khai thác, bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo Danh mục phân giao quản lý công trình thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.  - Các công trình thủy lợi từ công trình đầu mối tại vị trí khởi đầu đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trừ các công trình quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều này.  - Công trình thủy lợi có giá trị đã tính thành phần vốn Nhà nước tại các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.  2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý:  - Các công trình thuỷ lợi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác trên địa bàn xã, phường.  - Các công trình thủy lợi nhỏ trên địa bàn do các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đang vận hành, khai thác.  - Các hệ thống công trình thủy lợi độc lập trên địa bàn xã, phường.  - Các hồ chứa nước trên địa bàn xã, phường có dung tích nhỏ hơn 300.000m3 hoặc có diện tích phục vụ nhỏ hơn 30ha.  3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các Đặc khu Cát Hải và Bạch Long Vỹ quản lý các công trình thuỷ lợi trên địa bàn. | - Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 để phù hợp với nội dung phân quyền tại Điều 26 mục 1, chương 6 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP  - Phân cấp lại khoản 2, khoản 3, khoản 4 phù hợp mô hình chính quyền mới và thực tế quản lý công trình thủy lợi phía Đông và phía Tây thành phố. |
| **Điều 5. Tổ chức thực hiện**  1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này;  b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thủy lợi từ công trình đầu mối tại vị trí khởi đầu đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng (trừ các tài sản kết cấu hạ tầng đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện Cát Hải, huyện Bạch Long Vỹ).  c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.  2. Ủy ban nhân dân cấp huyện  a) Tổ chức giao cho các tổ chức thủy lợi cơ sở, Uỷ ban nhân dân cấp xã (đối với các xã, phường, thị trấn chưa có tổ chức thuỷ lợi cơ sở) quản lý, khai thác các công trình thủy lợi được phân cấp trên địa bàn theo quy định;  b) Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục công trình thủy lợi nội đồng được phân cấp quản lý và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được phân cấp quản lý cho cơ quan được giao quản lý tài sản (là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi);  c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn tất cả các công trình thủy lợi nằm trên địa bàn theo phân cấp;  d) Chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi ở cơ sở theo quy định;  đ) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp trên địa bàn theo quy định;  e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Thủy lợi.  **3. Các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi**  - Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định tại Chương III, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;  - Thực hiện quyền, trách nhiệm của tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 54 Luật Thủy lợi. | **Điều 5. Tổ chức thực hiện**  1. Sở Nông nghiệp và Môi trường  a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;  ***b) Thực hiện rà soát, xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình với tổ chức thủy lợi cơ sở.***  c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thủy lợi từ công trình đầu mối tại vị trí khởi đầu đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng (trừ các tài sản kết cấu hạ tầng đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các công trình thuỷ lợi trên địa bàn các đặc khu: Cát Hải, Bạch Long Vỹ).  d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.  ***2. Ủy ban nhân dân cấp xã và các đặc khu***  a) Thực hiện quản lý các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền được phân cấp tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quyết định này;  b) Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục công trình thủy lợi nội đồng được phân cấp quản lý và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản được phân cấp quản lý cho cơ quan được giao quản lý tài sản theo quy định;  c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. | - Dự thảo Quyết định bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 do khu vực Tây Hải Phòng chưa thực hiện xác định vị trí điểm giao nhận.  - Sửa tên gọi tại khoản 2 đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp.  - Bỏ điểm c, d, đ, e khoản 2 và bỏ khoản 3: do các nội dung này đã được quy định trách nhiệm tại các quy định của pháp luật hiện hành. |
| **Điều 6. Điều khoản thi hành**  1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …tháng… năm 2021 và thay thế các Quyết định: Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Uỷ ban nhân dân thành phố về việc phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 601/2017/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Uỷ ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Uỷ ban nhân dân thành phố.  2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện; Chủ tịch, Tổng Giám đốc các Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | **Điều 6. Điều khoản thi hành**  1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày … tháng … năm 2025 và thay thế các Quyết định: số 18/2011/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 về việc quy định bảo vệ và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 Quy định về phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.  2.Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch các Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | Điều chỉnh tên gọi của các Sở, ban ngành thành phố phù hợp với tên gọi mới. |